

ĐOÀN NAM ĐÀN. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên. H.: Chính trị quốc gia, 2008, 251 tr., Vb 46442.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vị trí đặc biệt của thanh niên đối với sự nghiệp cách mạng, tương lai của dân tộc, tiền đồ của Tổ quốc. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Người luôn quan tâm tới vấn đề giáo dục, đào tạo toàn diện các thế hệ thanh niên Việt Nam, tổ chức thanh niên vào các phong trào cách mạng phong phú của đất nước.

Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới, thanh niên đang hăng hái đi đầu trong các phong trào thi đua sôi nổi như phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”, “Thanh niên tình nguyện”,... Nhờ tinh thần dám nghĩ dám làm, sẵn sàng đi tới những nơi khó khăn, gian khổ, dám nhận những việc mới, việc khó để phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành mà hình ảnh người thanh niên ngày nay đang được khẳng định. Tuy nhiên, trước những yêu cầu và thách thức trong điều kiện mới, một bộ phận trong thanh niên nước ta còn bộc lộ những hạn chế về học vấn, nghề nghiệp chuyên môn, thể lực và khả năng độc lập và năng lực thực hành; còn sống thụ động, thiếu ý chí rèn luyện, thiếu ước mơ hoài bão, ngại khó khăn, thiếu tinh thần trách nhiệm với gia đình, xã hội và với chính bản thân mình...

Hai chương của cuốn sách cung cấp cho bạn đọc, trước hết là thanh niên những vấn đề cơ bản về *nguồn gốc, quá*

trình hình thành tư tưởng cơ bản của Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên (chương I), và việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục thanh niên trong điều kiện hiện nay và những biện pháp nhằm phát triển toàn diện, phát huy mọi năng lực của thanh niên phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (chương II).

MAI CHI

LƯƠNG VIỆT HẢI (chủ biên). Vấn đề sở hữu và phát triển bền vững ở Việt Nam và Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI. H.: Khoa học xã hội, 2008, 316tr., Vv 9150.

Gần ba thập kỷ qua, kể từ khi Trung Quốc thực hiện cải cách mở cửa (1978) và hơn hai mươi năm từ khi Việt Nam tiến hành đổi mới (1986), những vấn đề liên quan đến sở hữu và phát triển bền vững của mỗi quốc gia luôn được thực tiễn đặt ra một cách nóng bỏng. Mặc dù ở mỗi nước, trong từng thời kỳ khác nhau, những vấn đề ấy biểu hiện theo những cách khác nhau. Nhưng tình huống chung là ở thời kỳ đầu, khi mới bắt đầu cải cách, mở cửa và đổi mới, việc chuyển đổi nền kinh tế từ độc tôn công hữu sang đa thành phần sở hữu đã khiến cho diễn đàn lý luận trở nên sôi động, hơn hẳn giai đoạn sau, khi mà các hình thức sở hữu đã khẳng định được những ưu thế rõ ràng và nền kinh tế thị trường đã vận hành rộng khắp.

Ở giai đoạn hiện nay (có thể tính từ năm đầu tiên của thế kỷ XXI), hàng loạt

vấn đề về kinh tế, xã hội, môi trường được tích tụ và ngày càng trở nên gay gắt. Hàng loạt vấn đề về phát triển bền vững đòi hỏi phải có những lời giải xác đáng. Đã có những kiến giải, những ý tưởng, luận điểm, kiến nghị của các nhà khoa học được đề xuất cho không chỉ những vấn đề về sở hữu mà cả cho những vấn đề về phát triển bền vững. Tuy nhiên, không phải mọi vấn đề đều đã được xem xét và giải quyết triệt để.

Cuốn sách tập hợp một số bài viết, tham luận của các nhà khoa học Việt Nam và Trung Quốc tại hai cuộc hội thảo khoa học có chủ đề về vấn đề sở hữu và phát triển bền vững ở mỗi nước trong giai đoạn đổi mới, cải cách và mở cửa hiện nay, do Viện Triết học, Viện KHXH Việt Nam và Viện Triết học, Viện KHXH Trung Quốc phối hợp tổ chức (10/2004 và 9/2006).

HẠ VÂN

NGUYỄN ĐỨC TÔN. **Đặc trưng văn hoá-dân tộc của ngôn ngữ và tư duy.** H.: Khoa học xã hội, 2008, 588tr., Vb 46463.

Cuốn sách tập trung đi sâu vào lĩnh vực có tính thời sự đặc biệt, đó là đặc trưng văn hoá-dân tộc của ngôn ngữ và tư duy tộc người, bao gồm: các vấn đề về đặc trưng văn hoá-dân tộc của sự phạm trù hoá và định danh thế giới khách quan, của ngữ nghĩa và tư duy ngôn ngữ ở người Việt, có so sánh với những dân tộc khác, trên cơ sở khảo sát một số trường và nhóm từ vựng-ngữ nghĩa cơ bản.

Nội dung cuốn sách gồm 5 chương.

Ở chương thứ nhất, tác giả khái quát về văn hoá, phương pháp nghiên cứu đặc trưng văn hoá-dân tộc của ngôn ngữ và tư duy.

4 chương còn lại (từ chương 2 đến chương 5) phân tích đặc trưng văn hoá-dân tộc trên 4 phương diện: “sự phạm trù hoá hiện thực” và “bức tranh ngôn ngữ về thế giới”; định danh ngôn ngữ; ý nghĩa từ; và, tư duy ngôn ngữ.

HUỆ NGUYỄN

LƯU NGỌC TRỊNH (chủ biên). **Kinh tế và chính trị thế giới: vấn đề và xu hướng tiến triển.** H.: Lao động, 2008, 295tr., Vv 8747.

Nền kinh tế và chính trị thế giới đầu thế kỷ XXI đã và đang mở ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho mọi quốc gia, bất kể đó là quốc gia phát triển hay đang phát triển và mới nổi. Việc nhận diện được các vấn đề của thế giới hiện nay, các xu hướng tiến triển của chúng là mối quan tâm của không chỉ các nhà khoa học mà cả các nhà hoạch định chính sách.

Nội dung cuốn sách đi sâu phân tích 5 vấn đề lớn là: 1) Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ mới đưa tới những bước phát triển mới của lực lượng sản xuất; 2) Toàn cầu hoá, khu vực hoá và hội nhập quốc tế đang trở thành xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; 3) Hoà bình, ổn định, đối thoại, hợp tác và phát triển là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế; 4) Từ sau Chiến tranh Lạnh, nhất là từ đầu thế kỷ XXI, thế giới đã và đang diễn ra quá trình thay đổi cán cân quyền lực giữa các quốc gia, nhất là những quốc gia lớn, diễn ra sự giành giật giữa xu thế đơn cực và đa cực; 5) Từ đầu thế kỷ XXI đã có nhiều thách thức an ninh mới nổi lên trên phạm vi toàn cầu.

HUỆ NGUYỄN

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ. **Các vùng, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tiềm năng và triển vọng đến năm 2020.** H.: Chính trị quốc gia, 2009, 686tr., Vv 9142.

Sau 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội và trong quá trình tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, muốn là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước, Việt Nam đang và sẽ là điểm đến đầy hứa hẹn của các nhà đầu tư, thương mại và du lịch.

Việc khai thác và phát huy các lợi thế của từng nơi và liên kết phát triển giữa các vùng, các địa phương ở nước ta vừa là đòi hỏi bức thiết, vừa được khẳng định như là nghệ thuật dẫn đến thành công trong công cuộc kiến thiết giang sơn và hưng thịnh đất nước của Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu của các đề án qui hoạch phát triển kinh tế-xã hội vùng và bài viết của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Viện Chiến lược phát triển đã biên soạn và phối hợp cùng Nhà xuất bản Chính trị cho ra mắt cuốn sách Các vùng, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tiềm năng và triển vọng đến năm 2020, nhằm cung cấp cho bạn đọc những thông tin khái quát về vị trí địa lý và phạm vi hành chính; tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên; dân cư, nguồn nhân lực, truyền thống văn hóa và ngành nghề của dân cư; thực trạng phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2007 và triển vọng phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2020 với các chương trình, dự án trọng điểm của từng địa phương trong 6 vùng của cả nước là Đồng bằng sông

Hồng; Trung du và miền núi Bắc bộ; Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; Tây Nguyên; Đông Nam bộ; và Đồng bằng sông Cửu Long.

THIỆN KHANG

LÊ NGỌC HÙNG. **Xã hội học giáo dục.** H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2008, 344tr., Vb 47090.

Cuốn sách trình bày một cách có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn của xã hội học giáo dục, trên cơ sở đó làm sáng tỏ mối quan hệ giữa giáo dục và xã hội, giáo dục và con người trong bối cảnh đất nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sách gồm 9 chương, tập trung: trình bày những cơ sở nghiên cứu xã hội học (chương 1); nêu rõ đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học giáo dục (chương 2); phân tích vị trí và vai trò của xã hội học giáo dục trong hệ thống các khoa học xã hội và nhân văn (chương 3); giới thiệu cách tiếp cận hệ thống xã hội và xem xét hệ thống giáo dục trong bối cảnh lịch sử và những vấn đề của hệ thống giáo dục ở Việt Nam hiện nay (chương 4); trình bày mối quan hệ giữa cấu trúc xã hội, phân tầng xã hội với giáo dục, qua đó đặt cơ sở cho việc nghiên cứu thiết chế giáo dục và vấn đề bình đẳng xã hội trong giáo dục (chương 5); xem xét mối quan hệ giữa thiết chế giáo dục với một số thiết chế cơ bản của xã hội như kinh tế, pháp luật và văn hóa (chương 6); nghiên cứu vấn đề phân hóa xã hội và bình đẳng xã hội trong giáo dục (chương 7); phân tích vị trí, vai trò của giáo dục nhà trường trong mối quan hệ với dân số và gia đình (chương 8); phân tích khái niệm “xã hội hóa giáo dục”.

KHÁNH VÂN